TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1562**/2020/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1999/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Bùi Nhật M**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ thường trú: 211, khu phố 2, phường T, TP B, tỉnh Đ.

2. Bà **Phạm Thị Kim N**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ thường trú: 15 tổ 04, khu phố 8, phường L, TP B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 03/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông M, bà N không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Nhật M và bà Phạm Thị Kim N thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: có 01 con chung là cháu Bùi Nhật Anh Khoa, sinh ngày 25/5/2018. Khi ly hôn, giao cháu Khoa cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng/tháng) kể từ ngày có quyết định đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông M được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Các bên tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Nhật M và bà Phạm Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Bùi Nhật Anh Khoa, sinh ngày 25/5/2018. Khi ly hôn, giao cháu Khoa cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng/tháng) kể từ ngày có quyết định đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông M được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Nhật M và bà Phạm Thị Kim N tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006776 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông M và bà N đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Cẩm